

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 3 - 2020

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng
giữa chị H và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Hồng;

Ông Đặng Văn Chinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:** Bà Không Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 37, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn L, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 22, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị H, anh L xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Văn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống như vợ chồng với nhau từ ngày 26/12/1993 âm lịch. Chị và anh L có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đầy đủ bố mẹ, họ hàng, bạn bè, hàng xóm của đôi bên tới dự. Trước khi tổ chức lễ cưới và sau khi tổ chức lễ cưới chị và anh L có đến Ủy ban nhân dân xã H để đăng ký kết hôn nhưng đến vào những ngày xã có hội nghị, anh chị bận việc không chờ được, sau đó do mãi làm ăn kinh tế, đến nay chị và anh L vẫn chưa

đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xảy ra xung đột cãi chửi nhau do tính tình, lối sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Không thể ở được với nhau nên chị và anh L sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm tới ai từ năm 2007 đến nay. Nay để giải phóng cho cả hai nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 10/12/1994 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 13/8/2003. Từ khi anh chị sống ly thân thì cháu L ở với anh L còn cháu H ở với chị. Đến nay cháu L đã trên 18 tuổi, cháu L đã đi làm, có thu nhập, tự lao động được nên không ai pH nuôi dưỡng. Nay chị xin tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị và anh L không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2020 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Vũ Văn L trình bày:

Chị Nguyễn Thị H trình bày về việc anh chị về chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định, cũng như quá trình chung sống giữa anh và chị H xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân như chị H đã trình bày là đúng. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung như chị H đã trình bày là đúng. Nay anh nhất trí để chị H tiếp tục nuôi cháu H, anh không pH cấp dưỡng nuôi con.

Anh và chị H không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000, đề nghị xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L, đề nghị xử giao chị H tiếp tục nuôi con chung là Vũ Hoàng H, sinh ngày 13/8/2003, anh L không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Vũ Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn L. Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống chị H, anh L đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001: "... nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Chị H, anh L đã có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên Tòa án tuyên bố không công nhận chị H, anh L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn L có hai con chung là Vũ Hoàng L, sinh ngày 10/12/1994 và Vũ Hoàng H, sinh ngày 13/8/2003. Đến nay cháu L đã trưởng thành, đi làm có thu nhập, tự lao động được nên không ai pH nuôi dưỡng cũng hoàn toàn phù hợp với việc xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã H. Nay chị H xin tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L nhất trí. Xét thấy việc chị H nhận tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng cũng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự cũng như ý kiến nguyện vọng của cháu H nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H pH nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn L;

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là Vũ Hoàng H, sinh ngày 13/8/2003. Anh Vũ Văn L

không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001691 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung